

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HN-ST

Ngày: 30/6/2020.

V/v: “Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Thu Hà

2. Ông Cao Văn Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 359/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HN ngày 22 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Phước H.

Địa chỉ: ấp T, xã TPT, huyện CTA, tỉnh H. **Vắng mặt.**

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị L.

Địa chỉ: ấp T, xã TPT, huyện CTA, tỉnh H. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn anh Nguyễn Phước H trình bày: Anh và chị Phạm Thị L chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TPT, huyện CTA, tỉnh H. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi gây mất hạnh phúc. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn.

Về con chung: Thời gian chung sống anh và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 15/5/2011. Hiện cháu H1 đang sống chung với vợ chồng anh, chị. Tuy theo nguyện vọng của cháu muốn sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn chị Phạm Thị L chưa có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của anh H. Tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 24/12/2019 Toà án có ghi nhận lời trình bày của chị L về vấn đề tài sản chung và nợ chung, chị L yêu cầu dời phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để cung cấp các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu giải quyết về tài sản chung cũng như nợ chung giữa chị và anh H nhưng đã hết thời gian ấn định mà chị không cung cấp và không có yêu cầu gì.

Tại phiên toà: Anh Nguyễn Phước H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Chị Phạm Thị L tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phát biểu:

- Về tố tụng: Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn vẫn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Chấp nhận cho anh Nguyễn Phước H được ly hôn với chị Phạm Thị L; Tài sản chung: có tài sản chung nhưng không xem xét; Nợ chung chưa có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Án phí buộc đương sự nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là chị Phạm Thị L hiện tại có nơi cư trú tại ấp T, xã TPT, huyện CTA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3]. Về xét xử vắng mặt. Chị Phạm Thị L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp L lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị L chung sống với nhau từ năm 2010, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Anh H yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy anh và chị L chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi gây mất hạnh phúc, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị được đoàn tụ nhưng chị L không đến tham dự. Anh H kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng anh H, chị L không thực hiện được, không tạo điều kiện để hàn gắn thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Phước H được ly hôn với chị Phạm Thị L.

[2]. Về con chung: Thời gian chung sống anh H và chị L có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1. Giới tính: Nữ. Sinh ngày 15/5/2011, hiện tại đang sống chung với vợ chồng anh chị. Anh H thống nhất đối với việc ai là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thì tùy theo quyết định của con, chị L chưa có ý kiến. Tại Biên bản lấy lời khai của cháu H1 ngày 24/12/2019 thể hiện khi cha, mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Xét thấy việc lấy lời khai của cháu H1 trước sự chứng kiến, giám hộ của anh Nguyễn Phước H và chị Phạm Thị L, cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ và đây là ý kiến tự nguyện của cháu nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H1 cho chị Phạm Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa có yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung: Chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc anh Nguyễn Phước H chịu án phí theo mức không có giá ngạch.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ **Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228** Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các **Điều 56, 81, 82, 83** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Phước H được ly hôn với chị Phạm Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H1. Giới tính: Nữ. Sinh ngày 15/5/2011 cho chị Phạm Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Phước H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa yêu cầu.

Anh Nguyễn Phước H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Phước H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số 0002066 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Anh Nguyễn Phước H không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND xã TPT.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Minh Mẫn